TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2023/HS-PT
Ngày: 16 - 10 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Hoài
- *Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hữu Hồng
Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 180/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Phạm Thị H và đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 133/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Thị H, sinh ngày 23 tháng 01 năm 1970 tại: Thanh Hóa; nơi ĐKNKTT và cư trú: Số B K, Tổ dân phố E, Phường F, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nhân viên khoa xét nghiệm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh L; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Khắc Q và bà: Bùi Thị D; chồng: Phạm Văn T; con: 02 con, sinh năm 1999 và năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Phương Đại N – Công ty L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Có mặt.

2. Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 05 tháng 04 năm 1989 tại: tỉnh Đắk Nông; nơi ĐKNKTT: Xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: D H, Phường E,

thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nhân viên khoa xét nghiệm Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh L; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân Đ1 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị T1; vợ: Đoàn Thị B; con: 01 con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 26/8/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Thế T2 – Văn phòng luật sư Hoàng Thế T2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L. Có mặt.

Trong vụ án còn có nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh L (gọi tắt là C) được thành lập ngày 29/8/2019 theo Quyết định số 1836/QĐ-UBND của UBND tỉnh L. C là đơn vị sự nghiệp công lập có thu; có tư cách pháp nhân, trụ sở, con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào nội quy hoạt động và bảng phân công nhiệm vụ của Khoa Xét nghiệm – Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng thuộc C và nhiệm vụ thực tế tại Khoa xét nghiệm thì nhiệm vụ của bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ cụ thể như sau:

Từ năm 2019 đến ngày 25/8/2022: Bị cáo Phạm Thị H là viên chức công tác và phụ trách Labo Virus – Sinh học phân tử (phòng thí nghiệm về V và sinh học phân tử) thuộc Khoa Xét nghiệm của C, được giao một số nhiệm vụ: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm tác nhân virus phòng chống dịch; Tư vấn lãnh đạo khoa xét nghiệm về các hoạt động của Labo Virus – Sinh học phân tử; Đóng gói, vận chuyển mẫu phòng chống dịch về V1; Tham mưu cho lãnh đạo Khoa Xét nghiệm về việc đề xuất danh mục mua sắm sinh phẩm, vật tư tiêu hao, trang thiết bị phục vụ công tác xét nghiệm; Báo cáo thống kê số liệu, dự trù sinh phẩm, vật tư tiêu hao để thực hiện kỹ thuật; Quản lý sinh phẩm, vật tư tiêu hao, hóa chất của Labo V – Sinh học phân tử; Quản lý và chịu trách nhiệm về tài sản, thiết bị máy móc; các dự trù, quyết toán vật tư hóa chất, sinh phẩm trong Labo mình phụ trách.

Bị cáo Nguyễn Xuân Đ công tác tại L – Sinh học phân tử thuộc Khoa Xét nghiệm của C (cùng với bị cáo Phạm Thị H), được giao một số nhiệm vụ: Thực hiện các kỹ thuật xét nghiệm như sốt xuất huyết, xét nghiệm Sar-Cov-2

bằng phương pháp PCR, test nhanh Covid-19 bằng kháng nguyên; Đóng gói, vận chuyển mẫu phòng chống dịch về V1; Tham mưu cho lãnh đạo Khoa Xét nghiệm, phụ trách Labo về công tác chuyên môn, sinh phẩm, vật tư tiêu hao, trang thiết bị; Báo cáo thống kê số liệu, dự trù sinh phẩm, vật tư tiêu hao để thực hiện kỹ thuật; Nhận chuyển giao kỹ thuật hầu hết các trang thiết bị máy móc, sinh phẩm.

Tại CDC L chỉ có Phòng L1 sinh học phân tử (do bị cáo H quản lý) thực hiện các xét nghiệm PCR phát hiện virus Sar-Cov-2. Quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, bị cáo Phạm Thị H có trách nhiệm quản lý các mặt hàng Test PCR Covid-19 và vật tư tiêu hao mà C mua của Công ty C.

Trong năm 2020 và năm 2021, CDC L được UBND tỉnh L giao cho làm chủ đầu tư 07 gói thầu mua sắm sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế phòng chống Covid-19. CDC Lâm Đ2 đã ký hợp đồng với Công ty C để thực hiện 07 gói thầu mua sắm trên. Trong đó, có 02 gói thầu có liên quan đến hành vi tham ô tài sản của bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ, bao gồm: Hợp đồng mua bán số 020820/HĐO.VAS-LĐO ngày 14/8/2020, giá trị 802.660.000 đồng và Hợp đồng mua bán số 010321/HĐO.VAS-TTD ngày 02/3/2021, giá trị hợp đồng là 3.849.094.500 đồng và tháng C được Công ty TNHH H1 tặng 01 hệ thống máy Realtime PCR (kèm theo 04 hộp LightPower iVASARS-CoV-2 1stRT-rPCR Kit, loại 50 test/hộp, tương đương 200 test).

Quá trình điều tra, xác định trong thời gian từ cuối tháng 12/2020 đến tháng 5/2021 lợi dụng việc được giao quản lý sử dụng sinh phẩm, hóa chất và vật tư tiêu hao bị cáo Phạm Thị H cùng với bị cáo Nguyễn Xuân Đ, đã chiếm đoạt một số sinh phẩm, hóa chất, vật tư tiêu hao; 288 Test PCR Covid-19 và 500 test Hóa chất tách tay của CDC L sau đó bán cho Công ty C lấy tiền sử dụng cá nhân, cụ thể:

1.Chiếm đoạt hóa chất, vật tư tiêu hao trị giá 50.458.000đ có nguồn gốc từ Hợp đồng mua sắm sinh phẩm, vật tư y tế số 020820/HĐO.VAS ngày 14/8/2020 (gói thầu số 03 theo Quyết định số 1696/QĐ-UBND của UBND tỉnh L ngày 10/8/2020)

Ngày 14/8/2020, C ký kết Hợp đồng mua bán số 020820/HĐO.VAS-LĐO (*Gói thầu số 3: Mua sắm sinh phẩm, vật tư y tế tiêu hao xét nghiệm Covid-19*) với Công ty C, hai bên thỏa thuận mua bán hàng hóa là sinh phẩm, vật tư tiêu hao với tổng giá trị là 802.660.000 đồng,

C đã nhận hàng hóa và thanh toán đầy đủ cho Công ty C theo Hợp đồng mua bán số 020820/HĐO.VAS-LĐO nêu trên. Sau khi Công ty C giao đầy đủ hàng hóa cho CDC Lâm Đồng theo Hợp đồng mua sắm sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế số 020820/HĐO.VAS ngày 14/8/2020 thì C đã bàn giao số hàng hóa

theo hợp đồng này cho bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ quản lý, sử dụng phục vụ công tác xét nghiệm Sar-CoV-2. Quá trình bị cáo Phạm Thị H và bị can Nguyễn Xuân Đ sử dụng các sinh phẩm, hóa chất, vật tư y tế nêu trên thì một số hóa chất, vật tư y tế chưa sử dụng hết. Nên bị cáo Phạm Thị H đã bàn bạc với bị cáo Nguyễn Xuân Đ và bị cáo Đ đã thống nhất bán lại các hóa chất, vật tư tiêu hao nêu trên cho Công ty C thông qua bà Đinh Lê Lê Na .

Để chuyển bán vật tư tiêu hao, hóa chất trên cho bà Đinh Lê Lê N1, vào khoảng thời gian từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2020 bị cáo Phạm Thị H và bị can Nguyễn Xuân Đ đã lấy các hàng hóa của CDC Lâm Đồng mang về nhà của bị cáo H tại số B K, phường F, TP Đ cất giữ, đến khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2020 đến đầu tháng 01 năm 2021 bị cáo H và bị cáo Đ đã hai lần đóng gói hàng hóa vào thùng cát tông, bị cáo Nguyễn Xuân Đ là người trực tiếp chở các thùng cát tông chứa hàng hóa đến nhà xe H2 trên đường T,Phường D, thành phố Đ để gửi đến cửa hàng T3 tại Đắk Lắk (Đ không làm giấy tờ gửi hàng) cho bà Đinh Lê Lê Na t như thỏa thuận từ trước. Qua đối chiếu việc giao nhận hàng hóa thực tế theo phần mềm Misa trên hệ thống máy chủ của Công ty C; Tài liệu thu thập từ máy tính của bà Đinh Lê Lê N1, lời khai nhận của các bị cáo, xác định số lượng hàng hóa mà bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã bán cho Công ty C có nguồn gốc từ Hợp đồng mua sắm sinh phẩm, vật tư y tế số 020820/HĐO.VAS ngày 14/8/2020 giữa Công ty C

Tổng cộng, bị cáo H và bị cáo Đ đã 02 lần chiếm đoạt 09 mặt hàng hóa chất, vật tư tiêu hao của C bán cho Công ty C với tổng số tiền theo hóa đơn có thuế VAT là 50.458.000 đồng.

Nhận được hàng hóa của bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ chuyển qua thì bà Đinh Lê Lê N1 yêu cầu nhân viên cửa hàng T3 kiểm kê, sau đó chuyển thanh toán tiền mua lại hàng hóa của các bị cáo với tổng số tiền là 53.412.228 đồng cho bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ qua tài khoản số 106871659269 thuộc ngân hàng V2 chi nhánh L2 của bị cáo Nguyễn Xuân Đ theo như thỏa thuận trước đó (Bị cáo H, Đ thỏa thuận tiền bán lại hàng hóa chuyển vào tài khoản của Đ). Sau đó, bị cáo Đ chia lại và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng số 5400205095427 thuộc Ngân hàng A cho bị cáo Phạm Thị H.

Việc có sự chênh lệch giữa số tiền theo giá hóa đơn mà C mua của Công ty C đối với hàng hóa trên (50.458.000 đồng) và số tiền các bị cáo nhận được từ việc bán hàng hóa (53.412.228 đồng). Quá trình điều tra xác định giữa các bị cáo và bà Đinh Lê Lê N1 không thỏa thuận giá bán hàng nên bà N1 khi nhận được hàng đã tính toán chuyển trả trước cho các bị cáo (chuyển tiền trước khi được Công ty C tính toán, thanh toán tiền), nên có sự nhầm lẫn, chênh lệch nêu trên.

Để hợp thức hóa việc quyết toán sử dụng, bị cáo Phạm Thị H đã xây dựng Báo cáo sử dụng hết các sinh phẩm, vật tư tiêu hao xét nghiệm Sar-CoV-2 năm 2020 (Gói 802.660.000 đồng) đề ngày 05/01/2021 của K Xét nghiệm, cụ thể: trong báo cáo thể hiện tới tháng 12/2020 đối với các mặt hàng của hợp đồng nêu trên, K Xét nghiệm đã báo cáo quyết toán sử dụng hết, trong khi thực tế các bị cáo không sử dụng hết mà đã bán cho Công ty C 09 mặt hàng trên.

2.Chiếm đoạt 288 test PCR Covid-19 (LightPower iVASARS-CoV-2 1stRT-rPCR K) và 500 test hóa chất tách tay (I) trị giá 164.599.000đồng của C rồi bán lại cho Công ty C:

Sau khi được giao quản lý, sử dụng các sinh phẩm theo các hợp đồng nêu trên, quá trình các bị cáo sử dụng Test PCR Covid-19 và hóa chất tách tay (có nguồn gốc do Công ty TNHH H1 tặng; Hợp đồng mua sắm sinh phẩm, vật tư y tế số 020820/HĐO.VAS ngày 14/8/2020 và Hợp đồng số 010321/TTHĐ.VAS-TTD ngày 02/3/2021) để phục vụ công tác xét nghiệm Sar-CoV-2 cho CDC L, quá trình xét nghiệm và bị cáo H đã thực hiện xét nghiệm gộp mẫu nên dư ra 288 Test PCR Covid-19, 500 test Hóa chất tách tay. Cụ thể như sau:

- 88 Test PCR C xét nghiệm có nguồn gốc từ 200 Test PCR C (*tương đương 04 hộp* Test PCR C, *loại 50 test/hộp*) do Công ty TNHH H1 tặng kèm hệ thống máy Realtime PCR vào khoảng giữa năm 2020 (Quá trình chuyển giao kỹ thuật, nghiệm thu máy và thực hiện xét nghiệm tổng cộng 112 Test PCR C, còn lại 88 Test PCR Covid-19)

- 200 Test PCR Covid-19 có nguồn gốc từ hợp đồng mua sắm sinh phẩm, vật tư y tế số 020820/HĐO.VAS ngày 14/8/2020 và Hợp đồng số 010321/TTHĐ.VAS-TTD ngày 02/3/2021. Quá trình thực hiện xét nghiệm cho tân binh nhập ngũ vào tháng 02/2021 bị cáo H thực hiện xét nghiệm gộp mẫu nên dư ra 200 Test.

- 500 test Hóa chất tách tay(Kít P): Do Test PCR Covid-19 và hóa chất tách tay xài chung nên dư Test PCR Covid-19 thì sẽ dư ra hóa chất tách tay. Mặc khác, theo lý thuyết 01 Test PCR- Covid 19 sẽ sử dụng 01 test hóa chất tách tay, tuy nhiên thực tế quá trình sử dụng 01 Test PCR Covid-19 sẽ sử dụng ít hơn 01 test hóa chất tách tay, nên sau khi thực hiện xét nghiệm còn lại 500 test hóa chất tách tay.

Sau đợt xét nghiệm tân binh nhập ngũ vào tháng 2/2021, khi xác định còn 288 test PCR Covid -19 và 500 test Hóa chất tách tay(Kít P), bị cáo H đã thông báo cho bị cáo Đ biết, sau đó cả hai thống nhất bán lại 288 test PCR Covid -19 và 500 test Hóa chất tách tay cho Công ty C, do liên quan đến thời hạn sử dụng test nên quá trình sử dụng test xét nghiệm các bị cáo đã sử dụng gối đầu, theo nguyên tắc hàng hóa nào nhập trước (có hạn sử dụng trước) thì sử

dụng trước, hàng nào nhập sau *(có hạn sử dụng sau)* thì sử dụng sau, tức là trong kho luôn tồn 288 Test PCR C, 500 test Hóa chất tách tay (Kít P).

Sau khi các bị cáo thống nhất bán 288 test Hóa chất tách tay, 500 Kít P, bị cáo H và bị cáo Đ gọi điện cho bà Đinh Lê Lê Na trao đ bán lại 03 hộp Test PCR Covid-19 và 10 hộp hóa chất tách tay của CDC L cho Công ty C. Hai bên thống nhất phương thức mua lại bằng cách lần giao hàng tiếp theo của Công ty C sẽ giao thiếu 03 hộp Test PCR Covid-19 và 10 hộp hóa chất tách tay để các bị cáo bỏ thêm vào thùng hàng của Công ty C, sau đó mới nhập vào kho của CDC L.

Qua đối chiếu việc giao nhận hàng hóa thực tế theo phần mềm Misa trên hệ thống máy chủ của Công ty C theo Hợp đồng số 010321/TTHĐ.VAS-TTD ngày 02/3/2021, phiếu nhập kho của C (kèm theo hóa đơn 0001472 và hóa đơn 0001473), xác định một số mặt hàng Công ty C giao thiếu cho C bao gồm:

- 288 test Test PCR Covid-19, đơn giá chưa có thuế VAT là 485.000 đồng/test, đơn giá có thuế VAT: 509.250 đồng/test, thành tiền chưa thuế VAT 139.680.000 đồng, thành tiền đã có thuế VAT là 146.664.000 đồng.

- 500 test hóa chất tách tay, đơn giá chưa có thuế VAT là 34.161 đồng; đơn giá có thuế VAT là: 35.870 đồng/test, thành tiền chưa thuế VAT là 17.080.950 đồng, thành tiền đã có thuế VAT là 17.935.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng 288 Test PCR C và 500 test hóa chất tách tay mà bị cáo H và bị cáo Đ đã bán cho Công ty C có giá chưa thuế VAT là 156.760.950 đồng, thành tiền đã có thuế VAT là 164.599.000 đồng.

Sau khi các bị cáo bán 288 Test PCR Covid-19 và 500 test hóa chất tách tay cho công ty C, bà Đinh Lê Lê N1 đã chuyển khoản trả tiền cho các bị cáo vào tài khoản của Nguyễn Xuân Đ số 106871659269 mở tại V2 03 lần, với tổng số tiền là: 163.508.935 đồng (Ngày 21/5/2021chuyển 27.727.420 đồng; ngày 11/6/2021 chuyển 26.918.000 đồng; ngày 14/7/2021 chuyển 108.863.515).

Nhận được số tiền trên, bị cáo Đ đã chuyển khoản chia cho bị cáo H với tổng số tiền là: 72.760.000đ qua tài khoản 5400205095427 tại Ngân hàng A của bị can H (Ngày 21/5/2021 chuyển 14.010.000 đồng; ngày 11/6/2021 chuyển 12.250.000 đồng, ngày 15/7/2021 chuyển 42.700.000 đồng và ngày 06/9/2021 chuyển 3.800.000 đồng).

Để hợp thức hóa hồ sơ, bị cáo Phạm Thị H đã quyết toán khống, để ngoài sổ sách theo dõi 288 Test PCR Covid-19 và 500 Test Hóa chất tách tay còn lại nêu trên, để bán lại cho Công ty C, cụ thể:

Mặc dù tới cuối tháng 7/2020, 200 Test PCR Covid-19 do Công ty TNHH H1 tặng, chỉ sử dụng hết 112 Test PCR Covid-19 nhưng bị cáo Phạm Thị H đã báo cáo quyết toán sử dụng hết Test PCR Covid-19 do Công ty H1 tặng tại Báo cáo sử dụng sinh phẩm – vật tư tiêu hao xét nghiệm Sars-CoV-2 ngày 08/12/2020.

Ngoài ra, tháng 02/2021 chỉ sử dụng thực tế 1055 Test PCR Covid-19 nhưng bị can Phạm Thị H lại quyết toán sử dụng 1.255 Test PCR Covid-19 và 500 Test Hóa chất tách tay tại báo cáo sử dụng vật tư hóa chất của Khoa Xét nghiệm đề ngày 05/10/2021.

Như vậy**,** bị cáo Phạm Thị H và bị cáo Nguyễn Xuân Đ đã chiếm đoạt 288 Test PCR Covid-19, 500 test Hóa chất tách tay và 09 mặt hàng vật tư tiêu hao của CDC Lâm Đồng giao cho các bị cáo quản lý, sử dụng với tổng số tiền theo giá trị hóa đơn có thuế VAT là 215.057.000 đồng (Hai trăm mười lăm triệu không trăm năm mươi bảy ngàn đồng), sau đó bán lại cho Công ty C thông qua bà Đinh Lê Lê N1 với tổng số tiền là 216.921.163 đồng (Hai trăm mười sáu triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn đồng), trong đó, bị cáo Phạm Thị H nhận 97.055.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân Đ nhận 119.866.163 đồng.

Cáo trạng số: 13/CT-VKSBL ngày 23/5/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố Phạm Thị H và Nguyễn Xuân Đ về tội *"Tham ô tài sản"* theo quy định tại điểm c, đ khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại bản án số 133/2023/HS-ST ngày 10/7/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng đã xử;

[1] Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H, bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội " Tham ô tài sản"

[2] Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c, điểm d Khoản 2 Điều 353; Điểm b, s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 08 (tám) năm tù về tội "Tham ô tài sản".Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/8/2022.

- Áp dụng điểm c, điểm d Khoản 2 Điều 353; Điểm b, s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 08 (tám) năm tù về tội " Tham ô tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/8/2022

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 14/7/2023 bị cáo Nguyễn Xuân Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình

phạt.

Ngày 17/7/2023 bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đã khắc phục toàn bộ hậu quả, có nhân thân tốt, quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen, gia đình các bị cáo có công với cách mạng, mức án mà Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo là quá nghiêm khắc nên cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử các bị cáo mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Luật sư N bào chữa cho bị cáo H: Thống nhất tội danh Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo H. Tuy nhiên mong Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, mức án Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo là quá nghiêm khắc. Mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Luật sư T2 bào chữa cho bị cáo Đ: Thống nhất tội danh Tòa án sơ thẩm xét xử bị cáo Đ và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Mong Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội, đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử bị cáo mức hình phạt như Viện kiểm sát đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Phạm Thị H và Nguyễn Xuân Đ công tác tại phòng thí nghiệm về V và sinh học phân tử thuộc Khoa Xét nghiệm của CDC L, đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn, chiếm đoạt tài sản của CDC Lâm Đồng giao cho các bị cáo quản lý là 288 Test PCR Covid-19; 500 test Hóa chất tách tay và 09 mặt hàng vật tư tiêu hao, sử dụng với tổng số tiền theo giá trị hóa đơn có thuế VAT là 215.057.000 đồng, sau đó các bị cáo đã bán lại cho Công ty C thông qua bà Đinh Lê Lê N1 với tổng số tiền là 216.921.163 đồng. Trong đó, bị cáo Phạm Thị H nhận 97.055.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân Đ nhận 119.866.163 đồng.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Tham ô tài sản" quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Đơn kháng cáo của các bị cáo nộp trong hạn luật định nên được xem xét. Nội dung kháng cáo của các bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền 216.921.163đ. Quá trình công tác các bị cáo được Ủy ban nhân dân tỉnh L tặng bằng khen vì đã có thành tích trong công tác phòng chống dịch Covid – 19 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng" và được tặng nhiều giấy khen vì đã có thành tích trong công tác. Bị cáo H có bố ruột được Hội đồng nhà nước tặng huân chương kháng chiến hạng 3, đã có công lao trong cuộc kháng chiến chống mỹ cứu nước và huân chương chiến công hạng nhất. Có mẹ được Chủ tịch nước tặng huân chương kháng chiến hạng ba. Bị cáo Đ có cha là thương binh và đã được Chủ tịch nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhì, tại phiên tòa đại diện C xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã tích cực hợp tác giúp cơ quan điều tra nhanh chóng kết thúc vụ án, ngăn chặn hậu quả xảy ra nhưng cấp sơ thẩm chưa áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo. Đối chiếu các tình tiết trên, xét thấy, mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là quá nghiêm khắc. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, áp dụng tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho các bị cáo như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Xuân Đ, sửa bản án sơ thẩm. Xử:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H, bị cáo Nguyễn Xuân Đ phạm tội " Tham ô tài sản".

Áp dụng điểm c, điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/8/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 26/8/2022.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Thị H và Nguyễn Xuân Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án**./.**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GĐKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND Đà Lạt (06);
- VKSND Đà Lạt (01);
- Cơ quan Cảnh sát điều tra CA Đà Lạt (01);
- Cơ quan THAHS CA Đà Lạt (01);
- Bị cáo (02);
- Luật sư (02);
- Trại tạm giam (02);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoài